

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày: 30-7-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN- TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nông Thị Phương Loan

2. Bà Nguyễn Thị Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Nông Thiện Doanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24 /2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

**Quốc Trọng B;** sinh ngày 04 tháng 3 năm 1948 tại huyện H, Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ văn học vẫn: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quốc Thế L, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1926; có vợ: Lục Thị V, sinh năm 1954 và 02 con Lục Quốc H, sinh năm 1983 và Lục Quốc K, sinh năm 1985; cùng trú tại: xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng. Tiền án, tiền sự Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2019 đến ngày 24/8/2019 tại xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Bảo hiểm xã hội huyện H, tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Khu G, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T; sinh năm: 1961.

Chức vụ: Giám đốc; (Có mặt).

**- Người làm chứng:**

+ Bà Lục Thị U; Sinh năm: 1930; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: xóm K, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng

+ Ông Triệu Văn T; Sinh năm: 1961; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm B, xã T, huyện N, Bắc Kạn

+ Bà Hồ Thị Kim T; Sinh năm: 1991; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 31, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

+ Bà Mã Thị Thu H; Sinh năm: 1987; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 3, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

+ Bà Nông Thị N; Sinh năm: 1980; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Số nhà 023, tổ 11, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

+ Bà Hoàng Thị N; Sinh năm: 1987; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng

+ Bà Lê Thị Y; Sinh năm: 1983; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

+ Ông Nông Ích H; Sinh năm: 1975; (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: xóm B, xã B, huyện H, Cao Bằng

+ Ông Lương Đình D; Sinh năm: 1959; (Có mặt)

Nơi cư trú: xóm N, xã B, huyện H, Cao Bằng

+ Ông Trần Xuân M; Sinh năm: 1955; (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, huyện H, Cao Bằng

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 05/1986 bà Lý Thị U (Sinh năm 1930, trú tại xã H, huyện N, Cao Bằng) là công nhân nghỉ theo chế độ nên được hưởng chế độ Mất sức lao động hàng tháng do Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Cao Bằng chi trả. Đến ngày 17/6/1996, do thiếu sót trong công tác thẩm định hồ sơ nên BHXH tỉnh Cao Bằng lại tiếp tục ban hành Quyết định số: 476/QĐ có nội dung cho bà Lý Thị U lĩnh tiền trợ cấp mai táng và tiền tuất viên chức hàng tháng của chồng là ông Bàn Văn Q (ông Q chết trong tháng 3/1995), quyết định cho bà U hưởng tiền tuất viên chức hàng tháng của chồng là trái với quy định về Bảo hiểm xã hội (hưởng trùng chế độ bảo hiểm xã hội). Khi có quyết định của cơ quan BHXH thì ông Triệu Văn T, con trai bà U đã đến lĩnh tiền trợ cấp mai táng, còn về số tiền tuất viên chức mặc dù đã có trong danh sách phát tiền từ tháng 8/1996 nhưng bà U và gia đình đều không biết và không đến nhận, tuy nhiên trên các loại sổ sách giấy tờ

đều thể hiện có người đã lĩnh số tiền này. Cho đến tháng 10/2018, khi cơ quan BHXH huyện H, Cao Bằng rà soát mới phát hiện và chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 10/1996, bị cáo Quốc Trọng B là nhân viên hợp đồng được Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện H giao thực hiện việc chi trả tiền BHXH tại địa bàn xã B, huyện H và các xã T, H của huyện N. Khi thấy gia đình bà Lý Thị U, ông Triệu Văn T tuy có tên trong danh sách lĩnh tiền tuất viên chức hàng tháng nhưng không đến nhận, đồng thời lại cũng không thấy cơ quan BHXH có ý kiến gì nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị can B đã ký giả mạo tên “T” vào danh sách lĩnh tiền rồi chiếm đoạt số tiền này mà không trả lại cho cơ quan BHXH. Đến tháng 10/2013, khi việc chi trả tiền BHXH của xã H, N được chuyển giao lại cho Bưu điện thành phố C thì bị can Quốc Trọng B lại tiếp tục làm giả Giấy ủy quyền của bà Lý Thị U để lĩnh tiền tại đơn vị chi trả, trong đó: Từ tháng 10/2013 đến tháng 02/2017 bị cáo B ký tên giả là “T” vào các chứng từ chi trả, từ tháng 3/2017 đến tháng 10/2018 bị cáo B ký tên của mình vào các chứng từ chi trả. Trên thực tế, suốt cả thời gian nói trên (từ tháng 10/1996 đến tháng 10/2018) cả bà U và gia đình không được thông báo hoặc nhận khoản tiền nào từ nguồn quỹ BHXH liên quan đến chế độ tuất viên chức. Quá trình điều tra chứng minh được, từ tháng 10/1996 đến tháng 10/2018 bị can B đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của cơ quan BHXH số tiền tổng cộng là 64.129.600 (*Sáu mươi tư triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*). Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo B đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nói trên cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoà An đã trích ngẫu nhiên một số danh sách chi trả tiền tuất viên chức có tên Triệu Văn T và Giấy ủy quyền các năm 2017, 2018 để giám định chữ viết, chữ ký. Kết quả giám định kết luận các chữ ký và chữ viết trong các văn bản nói trên đều là do Quốc Trọng B viết ra, phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSHA ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Quốc Trọng B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Quốc Trọng B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo Quốc Trọng B 2 (*Hai*) năm đến 2 (*Hai*) năm 6 (*Sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 4 (*Bốn*) năm đến 5 (*Năm*) năm.

- Về hình phạt bổ sung: Không

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Quốc Trọng B. Yêu cầu cơ quan BHXH huyện H trả lại Số tiền 1.392.000đ cho bị cáo do đây không phải số tiền bị cáo chiếm đoạt.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như trong hồ sơ thể hiện và nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và các điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Hòa An, Cao Bằng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng trong vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ 10/1996 đến 10/2018, lợi dụng thiếu sót trong công tác kiểm soát, thẩm định hồ sơ của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng khi cho bà Lý Thị U được hưởng đồng thời hai chế độ Bảo hiểm xã hội, bị cáo B đã ký giả chữ ký của ông Triệu Văn T, làm giả Giấy ủy quyền của bà Lý Thị U từ đó chiếm đoạt được tổng số tiền là 64.129.600 (*Sáu mươi tư triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*) của Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại số tiền 1.392.000đ mà bị cáo đã nộp dư cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện H. Bị hại người đại diện theo pháp luật ông Bùi Minh T cũng nhất trí trả số tiền này.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, cụ thể là chiếm đoạt số tiền của tổ chức bảo hiểm, hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới an toàn trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; Bản thân bị cáo là nhân viên hợp đồng được cơ quan BHXH huyện Hòa An thực hiện công việc chi trả tiền BHXH tại địa bàn xã B, huyện H, bị cáo đã lợi dụng thiếu sót trong công tác kiểm soát, thẩm định hồ sơ của cơ quan BHXH tỉnh Cao Bằng mục đích để chiếm đoạt tài sản số tiền 64.129.600đ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét

thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Quốc Trọng B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự.

*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

.....”

[4] Xét về nhân thân của bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền, tiền sự; Sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo được tặng thưởng huân chương Kháng chiến hạng ba và có bố đẻ là người có công với cách mạng; Bị cáo đã cao tuổi (71 tuổi) đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, o, s, x khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do bản thân là người thực hiện công việc chi trả tiền chế độ BHXH mà người có trong danh sách được hưởng chế độ không đến lấy tiền, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi phạm tội mục đích là để chi tiêu cho cá nhân. Giá trị tài sản mà bị cáo phạm tội là trên mức khởi điểm của khung, tuy nhiên xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi xem xét mức hình phạt cho bị cáo được hưởng mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phía bị hại có yêu cầu giảm nhẹ về mức hình phạt cho bị cáo. Để đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm khi cân nhắc mức hình phạt Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, lao động giám sát, giáo dục để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình để cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội sau này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên xét bị cáo có lương hưu nhưng bị cáo đã cao

tuổi (71 tuổi) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Trong vụ án này còn có một số người liên quan gồm:

- Bà Lý Thị U và ông Triệu Văn T (là vợ, con của ông Bàn Văn Q) có tên hưởng trợ cấp theo Quyết định số: 476/QĐ, ngày 17/6/1996 của BHXH tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên việc được hưởng trợ cấp bà U và anh T không biết, cũng không được hưởng số tiền vi phạm nên không đặt vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà U, ông T là phù hợp.

- Các ông, bà: Ông Nông Ích H, ông Lương Đình D và ông Trần Xuân M (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và cán bộ Ủy ban nhân dân xã B, huyện H); bà Hồ Thị Kim T, Mã Thị Thu H, Nông Thị N, Hoàng Thị N và Lê Thị Y (Cán bộ chi trả tiền bảo hiểm thuộc Bưu điện thành phố C) tuy đều có phần trách nhiệm theo từng vị trí công tác liên quan đến việc chi trả sai tiền bảo hiểm xã hội nhưng cũng đều không biết, không được hưởng lợi gì từ hành vi gian dối của bị cáo B nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý hình sự đối với những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 65.521.600đ (*Sáu mươi năm triệu năm trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng*) tại phiếu thu số 00069 ngày 25/12/2018 của cơ quan BHXH huyện H. Bị cáo chiếm đoạt số tiền 64.129.600đ (*Sáu mươi tư triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*), Số tiền bị cáo nộp dư 1.392.000đ (*Một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) đây không phải số tiền bị cáo chiếm đoạt nên cần thu hồi số tiền này để hoàn trả cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Quốc Trọng B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

2. Xử phạt bị cáo Quốc Trọng B 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/7/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

### 3. Về Trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 65.521.600đ ( *Sáu mươi năm triệu năm trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng*) tại phiếu thu số 00069 ngày 25/12/2018 của cơ quan BHXH huyện H.

- Thu hồi số tiền 1.392.000đ (*Một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) mà bị cáo nộp dư cho cơ quan BHXH huyện H, Cao Bằng để hoàn trả cho bị cáo Quốc Trọng B.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Quốc Trọng B phải chịu 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

### ***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- CQCSĐT-CA huyện Hòa An;
- Chi cục THADS huyện Hòa An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Dong**